

Bản án số: **22/2019/HS-ST**
Ngày 02/4/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiên.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Trọng.

2. Ông Đặng Văn Tuyên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong, Kiểm sát viên

Trong ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số: 16/2019/TLST - HS ngày 31/01/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/QĐXX - ST ngày 25 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lương Trường G, sinh ngày: 08/5/1976

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Xóm L, xã L, Đại Từ, Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 07/12. Bố: Lương Xuân Đ; sinh năm 1951, nghề nghiệp: Làm ruộng; Mẹ: Nguyễn Thị G, sinh năm 1950, nghề nghiệp: Làm ruộng; Đều trú tại Xóm L, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Hứa Thị S, sinh năm 1977, nghề nghiệp: Làm ruộng, hiện đang trú tại Xóm L, xã L, huyện Đại Từ, Thái Nguyên. Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2002;

Tiền án; tiền sự: Không. *Nhân thân:* Năm 2007 bị Công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 1.000.00 đồng về hành vi "Đánh bạc" theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 78/QĐ/XPVPHC ngày 03/4/2007.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

2. Họ và tên: Vũ Đức T, Sinh ngày: 05/6/1988

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Xóm L, xã L, Đại Từ, Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hoá: 12/12. Bố: Vũ Văn T (đã chết); Mẹ: Phạm Thị H, Sinh năm 1955, nghề nghiệp: Làm ruộng, hiện đang trú tại Xóm L, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh

Thái Nguyên. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai. Vợ, con: Chưa có. Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

3. Họ và tên: Hoàng Văn H, Sinh ngày: 09/7/1983

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Xóm 6, xã P, Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 12/12. Bố: Hoàng Đức T3, Sinh năm 1962, nghề nghiệp: Làm ruộng; Mẹ: Dương Kim N, Sinh năm 1964, nghề nghiệp: Làm ruộng; Điều trú tại Xóm 6, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con cả. Vợ: Đàm Thị M, sinh năm 1984, nghề nghiệp: Làm ruộng, hiện đang trú tại Xóm 6, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015;

Tiền án; tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

4. Họ và tên: Lý Văn N, Sinh ngày: 26/8/1984

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Khối phố N, TT B, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Nhân viên hợp đồng tại Trung tâm quản lý cửa khẩu H, Bảo Lâm, tỉnh Lạng Sơn; Trình độ văn hoá: 12/12. Bố: Lý Văn T, Sinh năm 1954, nghề nghiệp: Làm ruộng; Mẹ: Trần Thị C, Sinh năm 1954, nghề nghiệp: Làm ruộng; Điều trú tại Xóm L, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1988, nghề nghiệp: Giáo viên, hiện đang trú tại Khối phố N, thị trấn B, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015;

Tiền án; tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

5. Họ và tên: Hứa Văn T1, Sinh ngày: 08/10/1984

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Xóm L, xã L, Đại Từ, Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Cán bộ y tế; Trình độ văn hoá: 12/12. Bố: Hứa Thiên T, Sinh năm 1953, nghề nghiệp: Hưu trí; Mẹ: Lục Thị M, Sinh năm 1958, nghề nghiệp: Làm ruộng; Điều trú tại Xóm L, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ ba. Vợ: Dương Thị M, sinh năm 1983, nghề nghiệp: Giáo viên, hiện đang trú tại xóm L, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013;

Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

Bị cáo đang là Đảng viên ĐCS Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ Trạm y tế xã L, huyện Đại Từ, trực thuộc Đảng bộ xã L, huyện Đại Từ.

6. Họ và tên: Dương Văn K, Sinh ngày: 24/02/1987

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Xóm La Cút, xã L, Đại Từ, Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 9/12. Bố: Dương Văn M, Sinh năm 1957, nghề nghiệp: Làm ruộng; Mẹ: Vũ Thị L, Sinh năm 1961, nghề nghiệp: Làm ruộng; Điều trú tại Xóm L, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba. Vợ, con: Chưa có

Tiền án: Tại Bản án số 165/2016/HSPT ngày 15/12/2016 của TAND tỉnh Thái Nguyên xử phạt Dương Văn K 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội "Đánh bạc"

Tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

7. Họ và tên: Lê Văn T2, Sinh ngày: 16/8/1978

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Xóm C, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Làm chè; Trình độ văn hoá: 06/12. Bố: Lê Hữu H, Sinh năm 1947, nghề nghiệp: Làm ruộng; Mẹ: Phạm Thị B, Sinh năm 1948 (*đã mất*). Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư. Vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1979, nghề nghiệp: Làm chè, trú tại Xóm C, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

8. Họ và tên: Lê Hữu A, Sinh ngày: 01/7/1988

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Xóm C, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Làm chè; Trình độ văn hoá: 10/12. Bố: Lê Xuân H, Sinh năm 1947, nghề nghiệp: Làm ruộng; Mẹ: Lê Thị S, Sinh năm 1949, nghề nghiệp: Làm ruộng; Điều trú tại Xóm C, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ sáu. Vợ: Đặng Thu H, sinh năm 1992, nghề nghiệp: Làm ruộng, hiện đang trú tại xóm C, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Con: Có 02, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 1018;

Tiền án; tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

9. Họ và tên: Bùi Văn L, Sinh ngày: 10/10/1988

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Xóm Đ, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 09/12. Bố: Bùi Văn S, Sinh năm 1963, nghề nghiệp: Làm ruộng; Mẹ: Triệu Thị H, Sinh năm 1965, nghề nghiệp: Làm ruộng; Điều trú tại Xóm Đ, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Hồ Thị N, sinh năm 1992, nghề nghiệp: Công nhân, hiện đang trú tại Xóm Đ, xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Con: Có 01 con, sinh năm 2013.

Tiền án; tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

10. Họ và tên: Trần Văn B, Sinh ngày: 06/01/1983

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Xóm R, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 07/12. Bố: Trần Văn T, Sinh năm 1955, nghề nghiệp: Làm ruộng; Mẹ: Nguyễn Thị D, Sinh năm 1955, nghề nghiệp: Làm ruộng; Điều trú tại Xóm R, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Triệu Thị Q, sinh năm 1985, nghề nghiệp: Làm ruộng, trú tại Xóm R, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Năm 2007 bị Công an huyện Đại Từ xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi "Đánh bạc" theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 83 ngày 03/4/2007.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

11. Họ và tên: Hứa Văn T3, Sinh ngày: 16/8/1983

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Xóm L, xã L, Đại Từ, Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 12/12. Bố: Hứa Văn T, Sinh năm 1960, nghề nghiệp: Làm ruộng; Mẹ: Lăng Thị X, Sinh năm 1960, nghề nghiệp: Làm ruộng; Điều trú tại Xóm L, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Hoàng Kim O, sinh năm 1988, nghề nghiệp: Giáo viên, hiện đang trú tại L, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015;

Tiền án; tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa)

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Anh: Phạm Văn T4, SN 1986

Địa chỉ: Xóm C, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 30 phút ngày 02/9/2018, tổ công tác của công an huyện Đại Từ phối hợp cùng công an xã L, huyện Đại Từ kiểm tra trên địa bàn xóm L, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã phát hiện bắt quả tang tại nhà ở của Lương Trường G có một số đối tượng đang có hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền gồm: Lương Trường G, Vũ Đức T, Hoàng Văn H, Lý Văn N, Hứa Văn T1, Dương Văn K, Lê Văn T2, Lê Hữu A, Bùi Văn L, Trần Văn B, Hứa

Văn T3. Tại chiếu bạc còn có mặt Phạm Văn T4, sinh năm 1986, trú tại xóm C, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Tổ công tác Công an huyện Đại Từ đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ vật chứng gồm: Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 22.050.000 đồng; 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị bằng tre một mặt được bôi đen; 01 chiếu nhựa màu xanh kích thước: 4,2m x 1,8m; và số tiền 15.930.000 đồng thu giữ trên người các đối tượng, cụ thể: thu giữ của Lương Trường G 400.000 đồng; Lý Văn N 500.000 đồng; Trần Văn B 13.570.000 đồng; Bùi Văn L 60.000 đồng; Lê Văn T2 100.000 đồng; Hứa Văn T1 300.000 đồng; Phạm Văn T4 1.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra các đối tượng khai nhận như sau: Khoảng 12 giờ ngày 02/9/2018 Lương Trường G cùng Vũ Đức T, Trần Văn B, Bùi Văn L và Phạm Văn T4 ăn cơm uống rượu tại nhà G thuộc xóm L, xã L, huyện Đại Từ. Quá trình ăn cơm, các đối tượng rủ nhau sau khi ăn xong sẽ chơi đánh bạc. Đến khoảng 13 giờ 30 phút các đối tượng G, T, L, B ngồi tại chiếu ăn cơm của nhà G bắt đầu chơi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. G là người trực tiếp lấy thanh tre chặt ra làm 04 quân vị, lấy dây cao su đốt ra để bôi đen một mặt ở mỗi quân vị và lấy bát, đĩa bằng sứ đưa cho Vũ Đức T để T xóc cái. Quá trình đánh bạc, tiếp tục có thêm Lê Văn T2, Hoàng Văn H, Hứa Văn T3, Hứa Văn T1, Lý Văn N, Dương Văn K, Lê Hữu A đến nhà G và tham gia đánh bạc cùng số người trên .

Về hình thức đánh bạc: Lương Trường G là người trực tiếp chuẩn bị 04 quân bài vị làm bằng thanh tre, mỗi quân bài một mặt màu trắng, một mặt màu được bôi đen, đưa cho Vũ Đức T là người xóc cái. Khi đánh bạc các đối tượng tham gia phải đặt mỗi ván từ 50.000 đồng trở lên, sau đó T là người cầm cái cho 04 quân vị vào chiếc đĩa, úp bát sứ lên rồi xóc. Khi xóc xong T đặt bát đĩa xuống chiếu, trước khi mở bát thì ai thích bên lẻ thì đặt tiền bên lẻ, ai thích bên chẵn thì đặt tiền bên chẵn. Đặt xong T mở bát ra nếu chẵn thì bên đặt chẵn được tiền của nhà cái bằng số tiền đặt cược, còn bên đặt lẻ sẽ bị mất hết số tiền đã đặt cho nhà cái và ngược lại. Để xác định chẵn lẻ là khi mở bát ra: có 02 quân mặt đen và 02 quân mặt trắng hoặc 04 mặt trắng hoặc 04 mặt đen phía trên là chẵn, còn 01 mặt trắng và 03 mặt trắng hoặc 01 mặt đen và 03 mặt đen là lẻ.

Khi đánh bạc G sử dụng số tiền 3.100.000 đồng; T sử dụng số tiền 1.400.000 đồng; H sử dụng tiền 2.750.000 đồng; N sử dụng số tiền 2.000.000 đồng; T1 sử dụng số tiền: 2.500.000 đồng; K sử dụng số tiền: 1.000.000 đồng; T2 sử dụng số tiền: 900.000 đồng; Hữu A sử dụng số tiền: 2.100.000 đồng; L sử dụng số tiền: 2.700.000 đồng; B sử dụng số tiền 2.000.000 đồng; T3 sử dụng số tiền 2.200.000 đồng. Cả nhóm đánh bạc đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, thì bị Tổ công tác Công an huyện Đại Từ phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Số tiền thu giữ trên người của Lương Trường G: 400.000 đồng; Lý Văn N: 500.000 đồng; Bùi Văn L: 60.000 đồng; Hứa Văn T1: 300.000 đồng, các bị can đều khai nhận là tiền để sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Số tiền thu giữ của Trần Văn B: 13.570.000 đồng. B khai đó là tiền B dùng để mua vật liệu xây dựng, B cất vào trong người không dùng vào mục đích đánh bạc; Số tiền thu giữ của Lê Văn T2: 100.000đ, T2 khai nhận, T2 vay của Lương Trường G số tiền 1.000.000 đồng, đánh bạc cùng mọi người bị thua hết 900.000 đồng, sau đó T2 cất đi 100.000 đồng, và không sử dụng 100.000 đồng này vào mục đích đánh bạc.

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKSĐT ngày 24/01/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Lương Trường G phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” và “*Đánh bạc*”; Các bị cáo Vũ Đức T, Hoàng Văn H, Lý Văn N, Hứa Văn T1, Dương Văn K, Lê Văn T2, Lê Hữu A, Bùi Văn L, Trần Văn B, Hứa Văn T3 phạm tội “*Đánh bạc*”.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Đại Từ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX

+ Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo G từ 12 đến 15 tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*” và từ 06 đến 09 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 18 đến 24 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 BLHS, xử phạt các bị cáo Vũ Đức T, Lý Văn N, Bùi Văn L, Hoàng Văn H, Hứa Văn T3, Trần Văn B, mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 BLHS, xử phạt các bị cáo T1, T2, A mỗi bị cáo từ 30 đến 35 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt Bị cáo K từ 06 đến 09 tháng tù.

Phạt bổ sung bị cáo G từ 20 đến 25 triệu đồng về hành vi Tổ chức đánh bạc; các bị cáo theo hình phạt chính từ 10 đến 15 triệu đồng. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Tại phần tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Điều nói lời sau cùng: xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1}. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2.} Về căn cứ buộc tội: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lương Trường G, Vũ Đức T, Hoàng Văn H, Lý Văn N, Hứa Văn T1, Dương Văn K, Lê Văn T2, Lê Hữu A, Bùi Văn L, Trần Văn B, Hứa Văn T3 đã khai nhận toàn bộ hành vi, diễn biến nội dung sự việc đúng như nội dung kết luận điều tra và cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở xác định: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 02/9/2018 tại nhà ở của Lương Trường G thuộc xóm L, xã L, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Lương Trường G đã chuẩn bị chiếu, bát, đĩa sứ; 04 quân vị, tổ chức cho: Lương Trường G, Vũ Đức T, Hoàng Văn H, Lý Văn N, Hứa Văn T1, Dương Văn K, Lê Văn T2, Lê Hữu A, Bùi Văn L, Trần Văn B, Hứa Văn T3 đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền, tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc là: 23.310.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì các đối tượng bị tổ công tác của Công an huyện Đại Từ phối hợp với Công an xã L, huyện Đại Từ phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng có liên quan đến vụ án.

Hành vi của bị cáo Lương Trường G đã phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 và tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015. Hành vi của các bị cáo Vũ Đức T, Hoàng Văn H, Lý Văn N, Hứa Văn T1, Dương Văn K, Lê Văn T2, Lê Hữu A, Bùi Văn L, Trần Văn B, Hứa Văn T3 đã phạm tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015.

Nội dung điều luật quy định:

Điều 321 Bộ luật hình sự. “1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền ... có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Điều 322 Bộ luật hình sự.

1. Người nào tổ chức đánh bạc ... trái phép thuộc một trong các trường hợp sau, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a)

b) Sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu ... của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền ... đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên;

{3}. Xét tính chất hành vi và vai trò phạm tội của các bị cáo:

Tính chất vụ án và hành vi tổ chức đánh bạc của bị cáo Lương Trường G thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi đánh bạc của bị cáo G và các bị cáo khác thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Về vai trò phạm tội của các bị cáo: Bị cáo G là chủ nhà cho 10 bị cáo khác tham gia đánh bạc tại nhà ở thuộc quyền sở hữu của mình đồng thời cũng trực tiếp

chuẩn bị công cụ phương tiện và cùng tham gia đánh bạc nên bị cáo có vai trò chính cấu thành hai tội là “*Tổ chức đánh bạc*” và “*Đánh bạc*”. Các bị cáo Vũ Đức T, Trần Văn B, Bùi Văn L sau khi ăn cơm uống rượu tại nhà Lương Trường G đã cùng nhau đánh bạc đầu tiên nên cấu thành tội đánh bạc với vai trò đồng phạm. Các bị cáo còn lại sau khi biết được có việc đánh bạc tại nhà Lương Trường G đã chủ động đi đến để tham gia đánh bạc nên đều cấu thành tội Đánh bạc với vai trò đồng phạm giản đơn. Hành vi của các bị cáo đã làm mất an ninh trật tự công cộng tại địa phương.

{4}. Xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo K phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo còn lại đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Vũ Đức T, Hứa Văn T1, Lê Văn T2, Lý Văn N, Bùi Văn L, Hoàng Văn H, Trần Văn B, Hứa Văn T3, Lê Hữu A đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” và “*Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo A, T1, T2 có bố đẻ là người có công với cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lương Trường G, Dương Văn K được hưởng 1 tình tiết giảm nhẹ là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS về tội “*Tổ chức đánh bạc*” và “*Đánh bạc*”.

Xét nhân thân của các bị cáo thì thấy: Bị cáo T, T1, N, L, T3, A, T2, H đều chưa có tiền án, tiền sự; Bị cáo G, B đã bị xử phạt về hành vi đánh bạc đến nay đã được xóa; Bị cáo K đã bị xét xử về hành vi đánh bạc, đến nay chưa được xóa án tích.

{5}. Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thì thấy: cơ bản các bị cáo đều có nhân thân tốt, đều chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (*trừ bị cáo G, K*). Mặc dù hành vi phạm tội của bị cáo G cấu thành hai tội; các bị cáo còn lại cấu thành một tội. Nhưng qua diễn biến nội dung và hành vi phạm tội của các bị cáo HĐXX nhận thấy, các bị cáo đều phạm tội với động cơ, mục đích giản đơn không có sự chuẩn bị, trao đổi, bàn bạc hay tổ chức cùng nhau đánh bạc từ trước mà do ham chơi và coi thường pháp luật dẫn đến có hành vi vi phạm pháp luật, vì vậy các bị cáo đều phải chịu sự nghiêm trị của pháp luật. Khi quyết định hình phạt HĐXX sẽ cân nhắc, xem xét một cách khách quan, toàn diện để có mức hình phạt cho phù hợp, đảm bảo đúng các quy định và tính nhân văn, nhân đạo của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, cần phạt các bị cáo một khoản tiền nhất định tương ứng với hành vi cấu thành tội phạm để sung công quỹ nhà nước.

{6}. Về vật chứng vụ án:

- Tịch thu sung công quỹ số tiền: 23.310.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam (trong đó có 22.050.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc khi bắt quả tang; số tiền còn lại thu giữ trên người của Lương Trường G 400.000 đồng; Lý Văn N 500.000 đồng; Bùi Văn L 60.000 đồng; Hứa Văn T1 300.000 đồng, đều là tiền để sử dụng vào mục đích đánh bạc).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị bằng tre một mặt được bôi đen; 01 chiếu nhựa màu xanh kích thước: 4,2m x 1,8m;

- Trả lại số tiền 13.570.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu giữ của Trần Văn B nhưng được tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Trả lại số tiền 100.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu giữ của Lê Văn T2 nhưng được tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

- Hoàn trả số tiền 1.000.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho anh Phạm Văn T4.

{7}. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định sung công quỹ nhà nước.

Trong vụ án này có Phạm Văn T4, có mặt tại nơi xảy ra đánh bạc nhưng T4 không tham gia đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ không xem xét xử lý.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

- **Tuyên bố:** bị cáo Lương Trường G phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” và “*Đánh bạc*”

+ **Xử phạt:** bị cáo Lương Trường G **12 (mười hai)** tháng tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*” và **06 (sáu)** tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Áp dụng Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **18 (mười tám)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của BLHS năm 2015.

- **Tuyên bố:** các bị cáo Vũ Đức T, Trần Văn B, Bùi Văn L, Hoàng Văn H, Lý Văn N và Hứa Văn T3 phạm tội “*Đánh bạc*”

+ **Xử phạt:** bị cáo Vũ Đức T **09 (chín)** tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **18 (mười tám)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ **Xử phạt:** bị cáo Trần Văn B **09 (chín)** tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **18 (mười tám)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ **Xử phạt:** bị cáo Bùi Văn L **09** (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **18** (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ **Xử phạt:** bị cáo Hoàng Văn H **06** (*sáu*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **12** (*mười hai*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ **Xử phạt:** bị cáo Lý Văn N **06** (*sáu*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **12** (*mười hai*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ **Xử phạt:** bị cáo Hứa Văn T3 **06** (*sáu*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **12** (*mười hai*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho UBND xã nơi các bị cáo có hộ khẩu thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi cư trú trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án. Trường hợp các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 BLHS.

3. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015.

- **Tuyên bố:** bị cáo Dương Văn K phạm tội “*Đánh bạc*”.

+ **Xử phạt:** bị cáo Dương Văn K **07** (*bảy*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành hình phạt.

4. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 35 BLHS năm 2015.

- **Tuyên bố:** các bị cáo Lê Văn T2, Hứa Văn T1 và Lê Hữu A phạm tội “*Đánh bạc*”.

+ **Xử phạt:** Lê Văn T2, Hứa Văn T1, Lê Hữu A - mỗi bị cáo **30.000.000đ** (*ba mươi*) triệu đồng.

* **Về hình phạt bổ sung:** Áp dụng khoản 3 Điều 322 (*đối với bị cáo G*) và khoản 3 Điều 321 (*đối với các bị cáo Vũ Đức T, Trần Văn B, Bùi Văn L, Hoàng Văn H, Lý Văn N, Dương Văn K và Hứa Văn T3*) BLHS năm 2015. **Phạt bổ sung:** Lương Trường G 20.000.000đ (*hai mươi*) triệu đồng về hành vi “*Tổ chức đánh bạc*”; các bị cáo Vũ Đức T, Trần Văn B, Bùi Văn L, Hoàng Văn H, Lý Văn N, Dương Văn K và Hứa Văn T3, mỗi bị cáo 10.000.000đ (*mười*) triệu đồng về hành vi “*Đánh bạc*” sung công quỹ Nhà nước.

* **Về vật chứng:** Áp dụng Điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS;

- Tịch thu sung công quỹ số tiền: 23.310.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam (trong đó có 22.050.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc khi bắt quả tang; số tiền còn lại thu giữ trên người của Lương Trường G 400.000 đồng; Lý Văn N

500.000 đồng; Bùi Văn L 60.000 đồng; Hứa Văn T1 300.000 đồng, là tiền để sử dụng vào mục đích đánh bạc).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị bằng tre một mặt được bôi đen; 01 chiếu nhựa màu xanh kích thước: 4,2m x 1,8m;

- Tạm giữ số tiền 13.570.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu giữ của Trần Văn B để đảm bảo việc thi hành án.

- Tạm giữ số tiền 100.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu giữ của Lê Văn T2 để đảm bảo việc thi hành án.

- Hoàn trả số tiền 1.000.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho anh Phạm Văn T4. *(Tình trạng, đặc điểm của vật chứng như trong mô tả tại Quyết định chuyển vật chứng số 12/QĐ - VKS ngày 24/01/2019 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên).*

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTWQH14 về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lương Trường G, Vũ Đức T, Hoàng Văn H, Lý Văn N, Hứa Văn T1, Dương Văn K, Lê Văn T2, Lê Hữu A, Bùi Văn L, Trần Văn B, Hứa Văn T3 - mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo và người có QLNVLQ biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND, Sở Tư Pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Công an, VKS, THA HS, DS huyện Đại Từ;
- Các bị cáo, Người có QLNVLQ;
- UBND xã L, P, H,
- Thị trấn Bắc Sơn;
- Lưu VT; Thẩm phán xét xử.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Kiên